

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 257/2023/DS-PT

Ngày 15-8-2023

V/v Tranh chấp lỗi đi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2023/TLPT- DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp lỗi đi.”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2023/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Anh Đ; địa chỉ: 130 NLB, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc A; địa chỉ: 27TX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Võ Hiếu H; địa chỉ: TDP 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Võ Thị N; địa chỉ: 18/3 VTS phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn M; sinh năm: 1964; địa chỉ: TDP 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Ông Trịnh Xuân P; sinh năm: 1973; địa chỉ: TDP 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Ông Võ Quốc H1; sinh năm: 1982; địa chỉ: TDP7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Ông Lưu Đức T; sinh năm: 1990; địa chỉ: TDP 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:**

Ông Trần Anh Đ là chủ sử dụng hợp pháp lô đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 81, diện tích: 664,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP099053 do UBND thành phố B cấp ngày 06/12/2018 đứng tên ông Bùi Xuân T1, đăng ký biến động sang tên ông Đ ngày 18/03/2020. Từ lô đất của ông Đ muốn ra đường lớn công cộng của đường Trần Quý C thì chỉ có 01 lối đi duy nhất diện tích khoảng 219m² (dài 68,55m x rộng 3,2m) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vị trí giáp ranh: Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Hồng T2, phía Bắc giáp đất ông Võ Hiếu H, phía Đông liền vào lối đi vào nhà ông Trần Anh Đ, phía Tây giáp đường Trần Quý C. Từ thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến nay thì ông Đ vẫn sử dụng lối đi này, trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện đây là lối đi chung nên ông Đ mới chuyển được mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện nay gia đình ông Võ Hiếu H đã xây tường rào chắn ngang lô đất và dựng cổng chắn lối ra đường Trần Quý C, mục đích ngăn không cho ông Đ được đi trên lối đi này, đất của ông Đ bị vây bọc và cô lập hoàn toàn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sinh hoạt của gia đình ông Đ. Ông Đ đã liên hệ bà Võ Thị N là con gái ông H để giải quyết vấn đề trên nhưng gia đình ông H không chịu hợp tác. Sau khi tìm hiểu, được biết lối đi này đã được Tòa án tuyên thuộc quyền sử dụng của ông Võ Hiếu H theo Bản án sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 20/04/2018 của Tòa án Nhân dân TP. Buôn Ma Thuột và Bản án phúc thẩm số 114/2018/DS-PT ngày 05/09/2018 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, hiện tại lô đất của ông Đ bị vây bọc không có lối đi ra đường công cộng nên cần thiết phải mở lối đi chung căn cứ Khoản 1 Điều 254 BLDS 2015 quy định về Quyền về lối đi qua:

“1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi

là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.” Vì lý do trên, ông Trần Anh Đ đã khởi kiện đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử buộc ông Võ Hiếu H tháo dỡ các tường rào chắn, cổng chắn để mở lối đi diện tích khoảng 219,2m² (dài 68,5m x rộng 3,2m) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vị trí giáp ranh: phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Hồng T2, phía Bắc giáp đất ông Võ Hiếu H, phía Đông liền vào lối đi vào nhà ông Đ (Trần Anh Đ), phía Tây giáp đường Trần Quý C là lối đi chung của gia đình ông Đ và gia đình ông Võ Hiếu H. Theo đó, ông Đ sẽ đền bù cho gia đình ông H một khoản tiền đền bù theo quy định pháp luật.

*** Người đại diện ủy quyền của bị đơn là bà Võ Thị N trình bày:**

Vào năm 2018 Cha tôi ông Võ Hiếu H là bị đơn trong vụ án Tranh chấp lối đi chung với ông Bùi Xuân T1 sau 02 lần Tòa án xử đã bác đơn của ông T1 vì diện tích đất tranh chấp Tòa án đã xử là của bố tôi. Đối với nội dung yêu cầu của ông Trần Anh Đ về mở lối đi cho gia đình ông Đ thì gia đình tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn M, ông Trịnh Xuân P, ông Võ Quốc H1, ông Lưu Đức T; Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn M, ông Trịnh Xuân P, ông Võ Quốc H1, ông Lưu Đức T không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DSST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh Đ về việc:

+ Buộc ông Võ Hiếu H phải mở lối đi chung có diện tích 219,2m² (dài 68,5m x rộng 3,2m) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 81, diện tích: 4.020 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R403243 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 10/8/2001 đứng

tên ông Võ Hiếu H; có vị trí tứ cận như sau: Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Hồng T2, phía Bắc giáp đất ông Võ Hiếu H, phía Đông liền vào lối đi vào nhà ông Đ (Trần Anh Đ), phía Tây giáp đường Trần Quý C là lối đi chung của gia đình ông Trần Anh Đ và gia đình ông Võ Hiếu H.

+ Buộc ông Võ Hiếu H phải tháo dỡ bức tường xây gạch 10cm, cao 1,45m, dài 2,7m (tường chưa tô chất) và tháo dỡ các bức tôn kẽm dài 17,24m, cao 2,5m trong diện tích 219,2m² (dài 68,5m x rộng 3,2m) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 81, diện tích: 4.020 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R403243 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 10/8/2001 đứng tên ông Võ Hiếu H.

Buộc ông Trần Anh Đ phải bù tiền quyền sử dụng đất cho ông Võ Hiếu H ½ giá trị lô đất và tài sản trên đất là 240.150.000 đồng.

Ông Võ Hiếu H và ông Trần Anh Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý lối đi chung theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/6/2023 bà Võ Thị N là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Hiếu H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bà Võ Thị N là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Hiếu H là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị N và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2023/DSST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Võ Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Trần Anh Đ là chủ sử dụng hợp pháp lô đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 81, diện tích: 664,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 099053 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 06/12/2018 cho bà Trần Thị Hằng N1, bà N1 tặng cho ông Trần Anh Đ và đã đăng ký biến động sang tên ông Đ ngày 18/03/2020.

Ông Võ Hiếu H là chủ sử dụng hợp pháp lô đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 81, diện tích: 4.020 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 403243 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 10/08/2001 cho ông Võ Hiếu H.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2022 và biên bản xác minh ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thể hiện: Quyền sử dụng đất của ông Trần Anh Đ sau khi nhận tặng cho của bà Trần Thị Hằng N1, bà N1 chuyển nhượng từ ông Bùi Xuân T1 bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề, cụ thể: Phía Bắc bị vây bọc bởi đất ông Võ Hiếu H, phía Nam bị vây bọc bởi đất bà Võ Thị Tuyết M1, phía Tây bị vây bọc bởi đất của Nguyễn Ngọc A, Phía Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị Hồng T2 và đường đi sẵn thuộc đất của ông Võ Hiếu H và không có lối đi nào khác ngoài con đường đi của ông Võ Hiếu H có diện tích 219,2m² (dài 68,5m x rộng 3,2m), ông H mở đường cho các hộ dân khác đi và rào chắn bao diện tích của ông Trần Anh Đ lại không cho ông Đ đi lối đi chung nên xác định ông Đ không có lối đi nào khác.

Như vậy, ông Võ Hiếu H đã xây tường rào chắn ngang lô đất và dựng cổng chắn lối ra đường Trần Quý C, mục đích ngăn không cho ông Đ được đi trên lối đi này. Đất của ông Đ bị vây bọc và cô lập hoàn toàn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sinh hoạt của gia đình ông Đ. Mặc dù, Tòa án tuyên lối đi này thuộc quyền sử dụng của ông Võ Hiếu H theo Bản án sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 20/04/2018 của Tòa án Nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột và Bản án phúc thẩm số 114/2018/DS-PT ngày 05/09/2018 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định Quyền về lối đi qua:

1. *Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của*

họ. Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Đối chiếu với quy định trên thì quyền sử dụng đất của ông Trần Anh Đ bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không còn lối đi nào khác ngoài con đường đi của ông Võ Hiếu H có diện tích 219,2m² (dài 68,5m x rộng 3,2m). Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh Đ buộc ông Võ Hiếu H phải tháo gỡ bức tường xây gạch 10cm, cao 1,45m, dài 2,7m (tường chưa tô chất) và tháo gỡ các bức tôn kẽm dài 17,24m, cao 2,5m để mở lối đi chung có diện tích 219,2m² (dài 68,5m x rộng 3,2m) thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 81, diện tích: 4.020 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 403243 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 10/08/2001 cho ông Võ Hiếu H và buộc ông Trần Anh Đ có nghĩa vụ thanh toán quyền sử dụng đất cho ông Võ Hiếu H ½ giá trị lối đi và tài sản trên đất với số tiền là 240.150.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị N là người đại diện theo quyền của ông Võ Hiếu H, mà cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[3] Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013934 ngày 03/03/2021 nhưng cấp sơ thẩm ghi biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001393 ngày 03/03/2021 là chưa đúng và cấp sơ thẩm không tuyên tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án là thiếu sót nên cấp phúc thẩm cần bổ sung cho phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Hiếu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị N, là người đại diện theo quyền của ông Võ Hiếu H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DSST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Trần Anh Đ về việc:

+ Buộc ông Võ Hiếu H phải mở lối đi chung có diện tích 219,2m² (dài 68,5m x rộng 3,2m) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 81, diện tích: 4.020 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R403243 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 10/8/2001 đứng tên ông Võ Hiếu H; vị trí tứ cận như sau: Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Hồng T2, phía Bắc giáp đất ông Võ Hiếu H, phía Đông liền vào lối đi vào nhà ông Đ (Trần Anh Đ), phía Tây giáp đường Trần Quý Cáp là lối đi chung của gia đình ông Trần Anh Đ và gia đình ông Võ Hiếu H.

+ Buộc ông Võ Hiếu H phải tháo dỡ bức tường xây gạch 10cm, cao 1,45m, dài 2,7m (tường chưa tô chát) và tháo dỡ các bức tôn kẽm dài 17,24m, cao 2,5m trong diện tích 219,2m² (dài 68,5m x rộng 3,2m) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 81, diện tích: 4.020 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R403243 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 10/8/2001 đứng tên ông Võ Hiếu H.

Buộc ông Trần Anh Đ có nghĩa vụ thanh toán quyền sử dụng đất cho ông Võ Hiếu H ½ giá trị lối đi và tài sản trên đất với số tiền là 240.150.000 đồng.

Ông Võ Hiếu H và ông Trần Anh Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý lối đi chung theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc tài sản: Nguyên đơn ông Trần Anh Đ tự nguyện chịu 1.800.000 đồng tiền chi phí đo đạc theo biên lai thu số 271 ngày 19/10/2021 và biên lai số 08 ngày 07/01/2022 và 1.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá theo biên lai số 134 ngày 28/4/2021 (đã chi phí xong tại Tòa án).

[4] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Anh Đ phải chịu 12.007.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013934 ngày 03/03/2021 và 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019718 ngày

23/06/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Ông Trần Anh Đ còn phải nộp số tiền 10.457.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Hiếu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp (bà Võ Thị N nộp thay) theo biên lai thu số 0002698, ngày 06/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng